TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/HS-PT
Ngày: 09 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhài.
- *Các thẩm phán:* 1. Ông Đặng Minh Tuân
2. Ông Dương Văn Bản
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa***: Bà Đinh Thị Thu Huyền, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2024/TLPT-HS ngày 13/5/2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HSST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

* *Bị cáo kháng cáo:*

Nguyễn Ngọc L**,** tên gọi khác: không; sinh ngày 02/10/1991.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ I, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T; vợ: Phùng Thị T1 (đã ly hôn), có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (Không bị tạm giữ, tạm giam). Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo do bị cáo mời: Ông Lại Huy S và ông Lưu Tiến H1 – Luật sư Công ty L2, đoàn luật sư thành phố H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người bị hại không kháng cáo Tòa án không triệu tập:*

Anh: Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1992, trú tại: Xóm C, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc L là lái xe thuê cho anh Nguyễn Thanh H2, chở vật liệu xây dựng từ bãi xỉ thuộc xã C, thành phố T cho khách hàng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Anh H2 có giao cho L 01 xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG, BKS 98C – 097.15 để chở hàng giao cho khách. Ngày 03/10/2022, L điều khiển xe ô tô BKS 98C – 097.15 vi phạm luật giao thông nên bị Phòng C2 Công an tỉnh T lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi chở hàng quá tải. Do không mang theo giấy phép lái xe nên L gọi cho anh H2 đến làm việc với lực lượng Công an và nhận biên lai vi phạm. Sau đó, anh H2 đưa L về nhà lấy giấy phép lái xe của L rồi giao nộp cho Phòng C2, Phòng C2 Công an tỉnh T đã tạm giữ giấy phép lái xe của L nên L không lái xe được nữa, anh H2 đã cho L nghỉ việc. Đến ngày 07/10/2022, L gọi điện yêu cầu anh H2 đưa biên bản vi phạm cùng tiền lương mà anh H2 còn thiếu là 4.600.000 đồng cho L thì anh H2 bảo đến ngày 20/10/2022 trả cho L, nhưng L không đồng ý. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, L đến bãi xỉ thuộc xóm A, xã C, thành phố T với mục đích mang chiếc ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG, BKS 98C – 097.15 của anh H2 về nhà L để ép anh H2 trả tiền lương và đưa biên bản vi phạm cho L. Khi đến nơi, L gặp anh Hoàng Thanh T2, sinh năm 1997, trú tại xóm P, xã P, thành phố T, tỉnh Thái nguyên là lái xe thuê mới của anh H2. Lúc này, L đến và bảo anh T2 cho mượn chìa khóa xe để lấy đồ Lợi để trên xe. Thấy L bảo vậy nên anh T2 gọi điện cho anh H2 thì anh H2 đồng ý cho L mượn chìa khóa để lên xe lấy đồ. Sau khi mượn được chìa khóa xe, L đã điều khiển xe đi về nhà của L. Khi biết sự việc, anh H2 đã nhiều lần gọi điện yêu cầu L trả xe nhưng L yêu cầu anh H2 phải mang biên bản vi phạm và tiền lương còn thiếu là 4.600.000 đồng cho L mới trả xe. Sau đó, anh T2 trình báo Công an thành phố T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 298/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG, BKS 98C – 097.15, đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm định giá ngày 07/10/2022 là 420.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HSST ngày 29/3/2024 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt: Nguyễn Ngọc L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/4/2024 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin hưởng án treo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án mô tả.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề liên quan đến kháng cáo của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo hướng áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì.

Luận cứ bào chữa của luật sư: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, gia đình bị cáo có bác ruột là người có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo là lao động chính, con còn nhỏ. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, h, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và được hưởng án treo.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b và điểm x vì bị cáo không có những tình tiết giảm nhẹ này. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng bị cáo xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bào chữa cho bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, có gửi bài bào chữa cho bị cáo. Căn cứ vào Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng khai trong quá trình điều tra cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Ngọc L làm lái xe ô tô thuê cho anh Nguyễn Thanh H2. Do Lợi tham gia giao thông vi phạm luật giao thông đường bộ, bị Công an tỉnh T lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ xe ô tô của anh H2. Anh H2 đã cho L nghỉ việc, tuy nhiên chưa thanh toán tiền lương còn thiếu cho L vì chưa đến ngày trả lương.

Do anh Nguyễn Thanh H2 còn nợ 4.600.000 đồng tiền lương và đang giữ biên bản xử phạt vi phạm hành chính do Cơ quan Công an tỉnh T xử phạt liên quan đến lĩnh vực giao thông đường bộ đối với Nguyễn Ngọc L. Ngày 17/10/2023, L đã yêu cầu anh H2 phải trả tiền lương và giấy tờ xử phạt vi phạm hành chính cho L nhưng anh H2 chưa trả mà hẹn Lợi ngày 20/10/2023 trả, L không đồng ý. Sau đó, L nảy sinh ý định giữ chiếc xe ô tô – là tài sản của anh H2, mục đích để ép anh H2 phải đưa cho L số tiền 4.600.000 đồng và giấy tờ xử phạt vi phạm hành chính. Để thực hiện ý định của mình, L đã dùng thủ đoạn gian dối để được anh Hoàng Thanh T2 (là người lái xe thuê cho anh H2) đưa chìa khóa xe ô tô (việc anh T2 đưa chìa khóa xe ô tô) cho L đã được anh H2 là chủ xe đồng ý. Sau khi có được chìa khóa xe ô tô, L điều khiển chiếc xe ô tô BKS 98C-097.15 của anh H2 về nhà ở của L. Anh H2 gọi điện yêu cầu L trả xe thì L đã yêu cầu anh H2 phải mang 4.600.000 đồng và biên bản xử phạt vi phạm hành chính của Cơ quan Công an tỉnh T đến nhà L cho L thì L mới trả xe.

Bị cáo giữ chiếc xe ô tô tải BKS 98C – 097.15 của anh H2 không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản chính là chiếc xe, mà mục đích là lấy chiếc xe nhằm uy hiếp tinh thần, buộc anh H2 phải giao cho bị cáo số tiền 4.600.000đồng. Điều này đã được chứng minh qua lời khai của bị cáo và anh H2 về việc khi anh H2 gọi điện thoại cho bị cáo yêu cầu trả xe thì bị cáo đã yêu cầu anh H2 phải đưa cho bị cáo số tiền 4.600.000đồng thì mới trả xe.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo có đơn đề nghị được chính quyền địa phương xác nhận, gia đình bị cáo là người thờ cúng liệt sĩ Nguyễn Văn N, đã tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của

đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng như chấp nhận kháng cáo của bị cáo và chấp nhận một phần đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo, được cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương.

[6]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt: Nguyễn Ngọc L 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc L cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ghi nhận bị cáo đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000646 ngày 11/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí. Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TRẦN THỊ NHÀI